

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: **53/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 24-4-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Duy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Đúng**
2. Bà **Nguyễn Thị Vạn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Hoàng** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông **Lê Trung Kiên** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 4 năm 2017 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1225/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 ngày 4 tháng 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị T**, sinh năm 1983

Địa chỉ: 480/2A tổ 18, Khu phố A, phường B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1974

Địa chỉ: F1/15F ấp D, xã E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà T, ông T1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 28/9/2017, bản tự khai ngày 10/11/2017 nguyên đơn bà Hồ Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T1 bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2008 do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20/4/2008. Thời gian

đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông T1 thường xuyên nhậu say về mắng chửi vợ con. Đến đầu năm 2015 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà dẫn con chung về nhà mẹ ruột của bà ở Bình Dương sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà xác nhận bà và ông T1 có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hồ Khánh D, sinh ngày 19/9/2009. Hiện nay trẻ D đang sống cùng bà ở Bình Dương. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi trẻ D, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Về nợ chung: Bà xác nhận không có. Ngoài ra, bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Do bận công việc và ở xa nên bà có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà cam kết không khiếu nại gì về việc Tòa án giải quyết vắng mặt mình.

Tại bản tự khai ngày 16/11/2017, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Ông và bà Hồ Thị T tự quen biết, tự tìm hiểu nhau được 02 năm thì bắt đầu chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2008. Sau khi cưới thì vợ chồng chuyển về xã E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh để chung sống. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng không hòa hợp, nhiều mâu thuẫn. Ông và bà T đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn với bà T vì ông không muốn con chung không có ba mẹ chăm sóc.

Về con chung: Ông xác nhận ông và bà T có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hồ Khánh D, sinh ngày 19/9/2009. Hiện nay trẻ D đang sống cùng bà T tại tỉnh Bình Dương. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T thì ông yêu cầu yêu cầu được nuôi trẻ D, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác nhận không có. Ngoài ra, ông không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Do bận công việc và đã trình bày ý kiến nên ông có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông cam kết không khiếu nại gì về việc Tòa án giải quyết vắng mặt mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến giải quyết vụ án về nội dung như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 8, 9, 51, 56, 81 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị T với ông Nguyễn Văn T1.

- Về con chung: Hiện nay trẻ D đang sống cùng bà T, trẻ D có nguyện vọng sống chung với bà T nên đề nghị Hội đồng xét xử giao trẻ Nguyễn Hồ Khánh D, sinh ngày 19/9/2009 cho bà Hồ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Hồ Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T1. Ông T1 có nơi cư trú tại huyện F nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ vợ chồng: Bà Hồ Thị T và ông Nguyễn Văn T1 chung sống có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31 quyển số 01/2009 ngày 20/4/2009. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.”*

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông T1 trình bày ông bà chung sống không hòa hợp, nhiều mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Công văn số 401/UBND ngày 29/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã E, huyện F xác nhận: trong quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T1 và bà Hồ Thị T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không giải quyết được vấn đề tiền bạc phát sinh trong gia đình. Hiện nay bà T và ông T1 không còn sống chung, ông bà đã ly thân từ tháng 4/2015 cho đến nay. Điều này chứng tỏ giữa bà T và ông T1 đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Việc ông T1 yêu cầu đoàn tụ để con chung có cha mẹ là

không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T1.

[5] Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hồ Khánh D, sinh ngày 19/9/2009.

[6] Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

[7] Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 10/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đối với trẻ Nguyễn Hồ Khánh D thể hiện trẻ D có nguyện vọng sống với bà T sau khi bà T ly hôn với ông T1. Theo kết quả cung cấp của Ủy ban nhân dân xã E cũng như lời thừa nhận của các đương sự thì hiện nay trẻ D đang sống với bà T tại tỉnh Bình Dương. Do đó, nhằm bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho trẻ D, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Nguyễn Hồ Khánh D cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên,...”*. Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*

[9] Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm nghĩa vụ của cả bà T và ông T1. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho cháu D có cuộc sống đảm bảo cũng như phát triển bình thường, ông T1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi trẻ D. Tuy nhiên, bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi trẻ D, đây là sự tự nguyện của bà T, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Về tài sản chung: Bà T và ông T1 xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[11] Về nợ chung: Bà T và ông T1 xác nhận không có.

[12] Về án phí: Bà Hồ Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Khoản 1 Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị T đối với ông Nguyễn Văn T1.

1.1. Bà Hồ Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

1.2. Giấy chứng nhận kết hôn số 31 Quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/4/2009 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Hồ Khánh D, sinh ngày 19/9/2009 cho bà Hồ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông T1 có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Bà T và ông T1 xác nhận không có.

5. Về án phí: Bà Hồ Thị T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0030609 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà T và ông T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- UBND Phường G, Quận H, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đỗ Thị Duy Linh